TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2024/HS-ST
Ngày: 25-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐTHUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Toà án nhân dân thành phốThuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phốThuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 366/2024/TLST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Đình P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1992 tại Bình Dương; nơi thường trú: Số C, Đường C tháng D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nơi ở hiện tại: Số A, đường V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1964; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Lê Quốc T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ tạm trú: Số A, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; nơi thường trú: Số C, Đường C tháng D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nơi ở hiện tại: Số A, đường V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Tăng L, sinh năm 1991. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Trần Đình P không có việc làm, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên P nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 26/6/2024, P sử dụng băng keo đen để dán chữ "B" và hai số "8" của Biển số xe 61B1-158.80 nhằm tránh bị phát hiện rồi điều khiển xe mô tô đi từ địa bàn thành phố T đến địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến trước địa chỉ 1/64, đường 22 tháng 12 thuộc khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì P phát hiện ông Lê Quốc T1 đi bộ trên đường, trên tay trái có cầm một chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 2F màu xám nên P điều khiển xe áp sát từ phía sau và dùng tay phải giật chiếc điện thoại của ông T1 rồi tăng ga bỏ chạy về hướng phường A. Ông Thái tri H "Cướp, cướp" và chạy bộ đuổi theo P. Lúc này ông Nguyễn Tăng L nghe thấy tiếng ông Thái tri H nên L đuổi theo khoảng 20m thì cùng với ông T1 bắt giữ được P và tang vật bàn giao cho Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, gắn Biển số 61B1-158.80, số khung RLCS5C630BY569330, số máy 5C63569391;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F màu xám.

Tại Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động OPPO Reno 2F màu xám trị giá 3.300.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 328/CT-VKS -TA ngày 30/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Đình P về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Đình P từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, gắn biển số 61B1-158.80, số khung RLCS5C630BY569330, số máy 5C63569391, quá trình điều tra xác định do bà Nguyễn Thị T là mẹ của P đứng tên sở hữu. Ngày 26/6/2024, P hỏi mượn xe mô tô của bà T để đi xin việc làm thì bà T đồng ý, việc P sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà T không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho bà T.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo Reno 2F màu xám là tài sản hợp pháp của bị hại T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Quốc T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý.

Bị cáo P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 26/6/2024, tại địa chỉ số A, Đường B tháng A thuộc Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trần Đình P điều khiển xe mô tô Biển số 61B1-158.80 rồi dùng tay giật 01 chiếc điện thoại hiệu Oppo Reno 2F màu xám trị giá 3.300.000 đồng của ông Lê Quốc T1 rồi bỏ chạy thì bị ông Nguyễn Tăng L cùng ông Lê Quốc T1 đuổi theo bắt giữ và giao cho Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Hành vi của bị cáo sử dụng xe môtô áp sát và nhanh chóng giật lấy tài sản của bị hại rồi tẩu thoát đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm và nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo sử dụng thủ đoạn nguy hiểm, điều khiển xe môtô lưu thông với tốc độ cao, áp sát và nhanh chóng giật lấy tài sản rồi tẩu thoát, hành vi đó có thể làm nạn nhân bị bất ngờ và xảy ra tai nạn giao thông, gây nguy hiểm đến sức khoẻ, tính mạng của người bị hại. Bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt trái phép tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài

sản đã thu hồi, trả lại cho bị hại); ông nội của bị cáo tham gia cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, xét đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Quốc T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, gắn biển số 61B1-158.80, số khung RLCS5C630BY569330, số máy 5C63569391, quá trình điều tra xác định do bà Nguyễn Thị T là mẹ của P đứng tên sở hữu. Ngày 26/6/2024, P hỏi mượn xe mô tô của bà T để đi xin việc làm thì bà T đồng ý, việc P sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà T không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho bà T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo Reno 2F màu xám là tài sản hợp pháp của bị hại T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T1 là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Quốc T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình P phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Đình P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2024.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phốThuận An;
- Chi cục THADS thành phốThuận An;
- Công an thành phốThuận An;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THAHS, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐTHUẬN AN Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐTHUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2019;

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phốThuận An, tỉnh Bình Dương.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đảm.

Bà Dương Thị Bạn.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 272/2019/TLST- HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn Hữu Sơn, sinh ngày 09/11/2000 tại tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Điều tra Công an thành phốThuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phốThuận An, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

3. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Hữu Sơn phạm tội "Cướp giật tài sản".

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

4. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 và khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Sơn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án 01/11/2019.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

6. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

7. Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

8. Các vấn đề khác:

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đồng.

- Về quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên trong hội đồng thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ …… phút ngày …….

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Thi